

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 28 - 11 - 2018.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Thi và ông Đặng Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Tổ 1, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; Địa chỉ: Khu 3, xã ĐA, huyện TB, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Lương Quang T, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 1, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị H và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, thì nội dung vụ án như sau:

Chị Phạm Thị H và anh Lương Quang T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2018 tại Ủy ban nhân dân phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu và được đôi bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn và đến khoảng tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

- Quan điểm của chị Phạm Thị H: Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng quá khác nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã và ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn đỉnh điểm là vào tháng 7 năm 2018, vợ chồng cãi nhau và anh T đã bỏ nhà đi và không có trách nhiệm với con chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ

chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị được ly hôn với anh Lương Quang T.

- Quan điểm của anh Lương Quang T: Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không quan tâm đến con, không vun vén cho nhà của vợ chồng và không tôn trọng anh cũng như gia đình anh nên đã bế con đi từ khoảng tháng 8 năm 2018 đến nay và vợ chồng cũng sống ly thân từ thời điểm đó tới nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị H xin ly hôn thì anh T hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng cùng thống nhất có 01 con chung duy nhất là cháu Lương Minh Q, sinh ngày 23/01/2018 (con trai). Hiện nay cháu Q đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 5.000.000đ. Anh T có quan điểm: Do cháu Q còn quá nhỏ nên anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Phạm Thị H đề nghị giải quyết ly hôn với anh T; về con chung chị có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh Lương Quang T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; về tài sản chung và công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Lương Quang T nhất trí ly hôn; về con chung anh T nhất trí giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; về tài sản chung và công nợ chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Lương Quang T.

- Về con chung: Giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Lương Minh Q, sinh ngày 23/01/2018 (con trai). Anh Lương Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 11/2018 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị H không có thai nghén gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H và anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lương Quang T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại tổ 1, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa chị Phạm Thị H và anh Lương Quang T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Lương Quang T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam **nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.**

Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống cùng nhau một thời gian ngắn sau đó sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ song không có kết quả. Nay cả chị H và anh T đều đề nghị được giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng cùng thống nhất có 01 con chung là cháu Lương Minh Q, sinh ngày 23/01/2018 (con trai). Hiện nay cháu Q đang do chị H

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và anh T cũng nhất trí giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, nên anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Tại phiên tòa anh T đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, chị H cũng nhất trí với mức cấp dưỡng này. Xét thấy, mức cấp dưỡng mà anh T đưa ra phù hợp với tình hình thực tế thu nhập của anh T (8.000.000 đồng/tháng) và đã được chị H chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị H không có thai nghén gì.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Chị H và anh T cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự phải nộp án phí và thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Lương Quang T.

2/ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Lương Minh Q, sinh ngày 23/01/2018 (con trai). Anh Lương Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi.

3/ Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H và anh T mỗi người phải nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T phải **nộp 300.000đ** (ba trăm nghìn đồng).

Chị H được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001926 ngày 06/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị H được trả lại 150.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H và anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường MK, TP Phủ Lý;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Xuyên